TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ L** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bán án số: 143/2019/HNGĐ - ST
Ngày 16-12-2019
"Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Quốc Nam

Các *Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Đỗ Trọng Ngoan

2. Bà Nguyễn Thị Xuân Loan

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Huỳnh Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Dương Chí Thanh – Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 12 năm 2019 tại Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 605/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 319/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 263/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị G, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ 1, ấp M, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang. (Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Hồ Văn B, sinh năm 1981. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 1, ấp M, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/9/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Bùi Thị G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị G và anh B quen biết, tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh T vào ngày 15/09/2005, hôn nhân lần thứ nhất của anh chị. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, anh B không biết quan tâm, chăm lo cho cuộc sống của gia đình, chị G đã nhiều lần nhắc nhở nhưng anh B không sửa chữa nên cả đã ly thân từ đầu năm 2019 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên chị G yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị G và anh B có 01 con chung tên Hồ Anh T, sinh ngày 06/01/2007. Hiện con chung đang chung sống với anh B. Sau khi ly hôn chị G đồng ý để anh B được tiếp tục nuôi dưỡng con chung

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Tại bản tự khai ngày 16/9/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh Hồ Văn B trình bày:

Về hôn nhân: Anh B thống nhất với chị G về thời gian tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, hôn nhân lần thứ nhất của anh chị. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống chung sống không hạnh phúc, thường xảy bất đồng ý kiến nên cả hai đã không chung sống nhưng không đến nỗi trầm trọng. Nay chị G yêu cầu ly hôn thì anh B không đồng ý, vì anh còn thương chị G.

Về con chung: Anh B và chị G có 01 con chung tên Hồ Anh T, sinh ngày 06/01/2007. Anh B đang nuôi con chung và yêu cầu được tiếp tục nuôi con nếu trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị G.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Nguyên đơn chị Bùi Thị G vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Hồ Văn B vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không lý do

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn, bị đơn tự nguyện tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống giữa nguyên đơn, bị đơn phát sinh mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn là có cơ sở theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Về con chung: Nguyên đơn, bị đơn có 01 con chung tên Hồ Tuấn A, sinh ngày 06/01/2007 hiện bị đơn đang chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bị đơn được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng con chung theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Về cấp dưỡng nuôi con: Bị đơn không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xét đến; Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn, không yêu cầu giải quyết nên không xét đến

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tranh chấp giữa chị Bùi Thị G và anh Hồ Văn B là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn đăng ký thường trú tại xã M, thành phố L nên nguyên đơn khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Quá trình chuẩn bị xét xử và và tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt. Tòa án đã tiến hành tống đạt trực tiếp cho bị đơn, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ. Như vậy, bị đơn đã từ chối các quyền, cũng như không thực hiện nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[4] Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn có địa chỉ cư trú rõ ràng. Do đó, căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6 nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về nội dung tranh chấp

[1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ bản sao giấy chứng nhận kết hôn số 46, quyển số 03 ngày 15/9/2005 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh T, điều này thể hiện giữa nguyên đơn, bị đơn tiến đến hôn nhân xuất phát từ sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật, phù hợp Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, nguyên đơn cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh B không có trách nhiệm với gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị Giàng đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh B không sửa đổi, hiện tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc.

Xét thấy, trong quan hệ hôn nhân vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, tin tưởng nhau và chia sẻ những khó khăn để vượt qua thử thách, đây là cơ sở vững chắc để bồi đắp cho hôn nhân, cho gia đình hạnh phúc. Giữa nguyên đơn, bị đơn đã có thời gian quen biết, tìm hiểu và tiến đến hôn nhân xuất phát từ tình cảm yêu thương, nhưng khi đã thành vợ chồng thì cả hai không xây dựng gia đình hạnh phúc, không tin tưởng nhau trong đời sống vợ chồng. Quá trình chuẩn bị xét xử, chị G vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn nhưng anh B không đồng ý, Tòa án đã hòa giải, phân tích mâu thuẫn, tạo điều kiện cho anh B hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị G nhưng anh B không thực hiện và cố tình vắng mặt tại phiên tòa. Như vậy, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, chia sẻ giúp đỡ nhau và thực hiện các công việc trong gia đình nên mục đích hàn gắn hôn nhân của anh B không đạt được, điều này thể hiện tình cảm vợ chồng đã trầm trọng. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn là có căn cứ, phù hợp với Điều

39 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị G và anh Bẩy có 01 con chung tên Hồ Anh T, sinh ngày 06/01/2007. Hiện con chung đang được anh B chăm sóc, nuôi dưỡng, anh B yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và được chị G đồng ý. Do đó, để tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển tốt về thể chất, tinh thần và đảm bảo cho việc học hành cho con chung cũng như xem xét điều kiện, hoàn cảnh của anh B và nguyện vọng của con chung theo biên bản ghi lời khai được Tòa án lập ngày 16/10/2019. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh B được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh B và gia đình của anh B phải tạo điều kiện cho chị G được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị G không phải cấp dưỡng nuôi con, do anh B không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Chị G, anh B thống nhất không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên xét đến.

[5] Về nợ chung: Không có

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 266; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án;

Xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

* **Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bùi Thị G.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị G được ly hôn với anh Hồ Văn B.

[2] Về con chung: Anh Hồ Văn B được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Hồ Anh T, sinh ngày 06/01/2007. Anh Bẩy và gia đình anh B phải tạo điều kiện cho chị G được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị G không phải cấp dưỡng nuôi con, do anh B không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn chị Bùi Thị G phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005135 ngày 16/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố L. Nguyên đơn đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

[7] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

(Giải thích điều 26 Luật thi hành án dân sự)

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Nam

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Chi cục T.H. A dân sự TPL;
- VKSND TPL;
- Phòng KTNV - TAND tỉnh An Giang;
- UBND xã T, huyện T, tỉnh T
- Lưu hồ sơ + VP.